

Bản án số: 180/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18/11/2022
(V/v Tranh chấp xin ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI - TỈNH BẠC LIÊU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Hải Đăng

Các hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Nguyễn Văn Tâm

2/. Ông Nguyễn Minh Hoàng

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mộng Nghi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa: Ông Châu Hoa Đăng, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 493/2022/TLST-HN ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc “tranh chấp xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Chị Trương Thị Bích Nh, sinh năm 1996

Địa chỉ: ấp BD, xã LDT, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu

2/. Bị đơn: Anh Cao Văn B, sinh năm 1984

Địa chỉ: ấp TĐ, xã LDD, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu

(Chị Nh có mặt, anh B có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trương Thị Bích Nh và bị đơn anh Cao Văn B thống nhất trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: vợ chồng anh chị cưới nhau vào khoảng năm 2012, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LDD vào ngày 21/01/2013 và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn theo chị Nh xác định: thời gian đầu chung sống với nhau thì vợ chồng anh chị sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây thì vợ chồng anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, dẫn tới cuộc sống chung ngày càng căng thẳng. Vợ chồng anh chị đã ly thân khoảng hơn 04 năm nay. Hiện tại nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng cũng không thể hàn

gắn lại được nên chị Nh yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chồng chị là anh Cao Văn B.

Theo anh B xác định: thời gian đầu chung sống với nhau thì vợ chồng anh chị sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây thì vợ chồng anh chị phát sinh một số mâu thuẫn, tuy nhiên đó cũng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống hàng ngày của vợ chồng. Vợ chồng cũng đã ly thân khoảng 04 năm. Hiện tại anh xác định anh vẫn còn thương vợ con, nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Nh. Anh mong muốn hai vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau lo lắng cho con đến tuổi trưởng thành.

Về con chung: chị Nh và anh B thống nhất xác định thời gian chung sống vợ chồng anh chị có 01 người con chung tên Cao Trương Bảo Y, sinh ngày 04/8/2013. Hiện tại hai con đang sống cùng với chị Nh. Khi ly hôn chị Nh và anh B cùng yêu cầu tôn trọng nguyện vọng của con, nếu con sống với chị Nh thì chị Nh đồng ý tiếp tục nuôi, sống với anh B thì anh B đồng ý nuôi. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung. Khi ly hôn chị Nh và anh B không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: giữa chị Nh và anh B kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nhưng do thời gian chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được, cuộc sống chung đã không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Nh được ly hôn với anh B là phù hợp với quy định của pháp luật;

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của người con là Cao Trương Bảo Y, sinh ngày 04/8/2013. Giao người con là Cao Trương Bảo Y, sinh ngày 04/8/2013 cho anh B được nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con do anh B không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Khi ly hôn chị Nh và anh B không đặt ra yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí thì chị Nh phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Nh có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với anh B. Anh B có địa chỉ cư trú tại huyện Đông Hải. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải.

Anh B có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh B.

[2] Về nội dung vụ án: giữa chị Nh và anh B kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đã được Ủy ban nhân dân xã LDD cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 21/01/2013 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nh đối với anh B thì Hội đồng xét xử thấy rằng: mục đích của hôn nhân là để tạo dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, giúp đỡ nhau cùng nhau tiến bộ. Nhưng thời gian chung sống chị Nh và anh B lại không làm được, mà còn phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn lại được. Anh chị cũng đã ly thân khoảng hơn 04 năm qua. Trong thời gian qua cả hai anh chị đều không có biện pháp cụ thể nào để thể hiện anh chị muốn hàn gắn lại với nhau, anh chị không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Tại phiên tòa chị Nh cũng xác định hiện tại chị không còn tình cảm gì với anh B, nếu vợ chồng quay về sống chung thì cũng không còn hạnh phúc. Điều này chứng tỏ cuộc sống vợ chồng của chị Nh và anh B là không thể hàn gắn lại được, cuộc sống chung đã không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nh đối với anh B là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về nuôi con chung: Khi ly hôn chị Nh và anh B cùng yêu cầu tôn trọng nguyện vọng của con, nếu con sống với chị Nh thì chị Nh đồng ý tiếp tục nuôi, sống với anh B thì anh B đồng ý nuôi. Xét thấy tại biên bản ghi ý kiến ngày 31/10/2022 của Tòa án thì cháu Cao Trương Bảo Y, sinh ngày 04/8/2013 có nguyện vọng muốn được sống cùng với anh B. Do đó, Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của cháu Cao Trương Bảo Y, sinh ngày 04/8/2013, giao cho anh B được quyền nuôi dưỡng giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con do anh B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị Nh và anh B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận,

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Bích Nh; Xử cho chị Trương Thị Bích Nh được ly hôn với anh Cao Văn B.

2/. Về nuôi con chung: Giao người con là Cao Trương Bảo Y, sinh ngày 04/8/2013 cho anh Cao Văn B được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục.

Chị Nh có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

Anh B không yêu cầu chị Nh phải cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3/. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình: chị Trương Thị Bích Nh phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009443 ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho chị Trương Thị Bích Nh biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Cao Văn B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
đã ký

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BL
- VKSND huyện Đông Hải
- THA huyện Đông Hải
- UBND xã LDD
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

Lưu Hải Đăng